

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm(1)

I. Đặc điểm hoạt động của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)

1. Hình thức sở hữu vốn
2. Lĩnh vực hoạt động
3. Đặc điểm hoạt động trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính
4. Cấu trúc của VSD
 - Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính (có so sánh được hay không, nếu không so sánh được phải nêu rõ lý do như vì chuyển đổi hình thức sở hữu, chia tách, sáp nhập, nêu độ dài về kỳ so sánh...)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày..../.... kết thúc vào ngày..../....).
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán. Trường hợp có sự thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán so với năm trước, giải trình rõ lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng
2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.
2. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.
3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.
4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính
 - a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
 - b) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;
 - c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác;
 - d) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.
5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu
6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:
 - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho;

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho;
 - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho;
 - Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
7. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính.
 8. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại.
 9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.
 10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.
 11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.
 12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.
 13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.
 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.
 15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện.
 16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:
 - Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu.
 - Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.
 - Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.
 - Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.
 17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác.
 - Doanh thu hoạt động;
 - Doanh thu hoạt động tài chính;
 - Thu nhập khác
 18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu
 19. Nguyên tắc kế toán chi phí hoạt động.
 20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.
 21. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.
 22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại.
 23. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính

Đơn vị tính:

1. Tiền	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	...	...

- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

- Tiền đang chuyển

Cộng

2. Các khoản đầu tư tài chính

Cuối năm

Đầu năm

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Giá gốc

Giá trị ghi
sổ

Giá gốc

Giá trị ghi
sổ

a) Ngắn hạn:

- Tiền gửi có kỳ hạn

- Trái phiếu

- Các khoản đầu tư khác

b) Dài hạn:

- Tiền gửi có kỳ hạn

- Trái phiếu

- Các khoản đầu tư khác

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (chi tiết từng khoản đầu tư theo tỷ lệ vốn nắm giữ và tỷ lệ quyền biểu quyết)

- Đầu tư vào công ty con

- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;

- Đầu tư vào đơn vị khác;

- Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ;

- Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, liên doanh, liên kết trong kỳ.

- Trường hợp không xác định được giá trị hợp lý thì giải trình lý do.

3. Phải thu của khách hàng

Cuối năm

Đầu năm

a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn

- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng

- Các khoản phải thu khách hàng khác	...	...
b) Phải thu của khách hàng dài hạn (tương tự ngắn hạn)	...	...
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết từng đối tượng)	...	...

4. Phải thu thành viên lưu ký chứng khoán

Cuối năm

Đầu năm

a) Phải thu ngắn hạn của thành viên lưu ký chứng khoán	...	...
- Chi tiết các khoản phải thu của TVLK chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải thu TVLK	...	...
- Các khoản phải thu TVLK khác	...	...
b) Phải thu dài hạn của thành viên lưu ký chứng khoán	...	...

5. Phải thu thành viên bù trừ

Cuối năm

Đầu năm

a) Phải thu ngắn hạn của thành viên bù trừ	...	...
- Chi tiền các khoản phải thu của TVBT chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải thu TVBT	...	...
- Các khoản phải thu TVBT khác	...	...
b) Phải thu dài hạn của thành viên bù trừ	...	...

6. Phải thu tổ chức phát hành

Cuối năm

Đầu năm

a) Phải thu ngắn hạn của tổ chức phát hành	...	...
- Chi tiết các khoản phải thu của tổ chức phát hành chiếm từ 10% trở lên tổng số phải thu tổ chức phát hành	...	...
- Các khoản phải thu TVBT khác	...	...
b) Phải thu dài hạn của tổ chức phát hành	...	...

7. Phải thu khác

Cuối năm

Đầu năm

a) Ngắn hạn	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
-------------	---------	----------	---------	----------

- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia;	...	...	...	...
- Phải thu người lao động;	...	...	...	...
- Ký cược, ký quỹ;	...	...	...	...
- Cho mượn;	...	...	...	...
- Các khoản chi hộ;	...	...	...	...
- Phải thu khác.	...	...	...	...
b) Dài hạn (tương tự các khoản mục ngắn hạn)	...	...	...	...

Cộng

...

...

8. Tài sản thiếu chờ xử lý (Chi tiết từng loại tài sản thiếu)

Cuối năm

Đầu năm

	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a) Tiền;	...	...	...	...
b) Hàng tồn kho;	...	...	...	...
c) TSCĐ;	...	...	...	...
d) Tài sản khác.	...	...	...	...

9. Nợ xấu

Cuối năm

Đầu năm

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi; (trong đó chi tiết thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng nếu khoản nợ phải thu theo từng đối tượng đó chiếm từ 10% trở lên trên tổng số nợ quá hạn);	...	...	...	...	...
- Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm... phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu;	...	...	...	...	...
- Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn.	...	...	...	...	...

Cộng	...		...	
10. Hàng tồn kho	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu;	...	...	...	...
- Công cụ, dụng cụ;	...	...	...	...
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ;				
- Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.				

11. Tài sản dở dang dài hạn

11. Tài sản dở dang dài hạn	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Xây dựng cơ bản dở dang (Chi tiết cho các công trình chiếm từ 10% trên tổng giá trị XDCB)	...	...	...	...
- Mua sắm;				
- XDCB;				
- Sửa chữa.				

Cộng

...

...

âm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	...	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm						
- Mua trong năm						
- Đầu tư XD CB hoàn thành						
- Tăng khác						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						

- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm						
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm						
- Khấu hao trong năm						
- Tăng khác						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm						
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm						
- Tại ngày cuối năm						

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý;
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai;
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình.

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	...	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm						
- Mua trong năm						
- Tạo ra từ nội bộ DN						
- Tăng khác						
- Thanh lý, nhượng bán						

- Giảm khác						
Số dư cuối năm						
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm						
- Khấu hao trong năm						
- Tăng khác						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm						
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm						
- Tại ngày cuối năm						

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay;

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng;

- Thuyết minh số liệu và giải trình khác;

14. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính;

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	...	TSCĐ hữu hình khác	Tài sản cố định vô hình	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số dư đầu năm							
- Thuê tài chính trong năm							
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính							
- Tăng khác							
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính							
- Giảm khác							
Số dư cuối năm							
Giá trị hao mòn lũy kế							

Số dư đầu năm							
- Khấu hao trong năm							
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính							
- Tăng khác							
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)
- Giảm khác	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)
Số dư cuối năm							
Giá trị còn lại							
- Tại ngày đầu năm							
- Tại ngày cuối năm							

* Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm;

* Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm;

* Điều khoản giữ hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản.

15. Chi phí trả trước

	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn (chi tiết theo từng khoản mục)	...	...
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ;	...	...
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	...	...
- Chi phí đi vay;	...	...
- Các khoản khác (nêu chi tiết nếu có giá trị lớn).	...	...
b) Dài hạn		
- Chi phí thành lập doanh nghiệp	...	...
- Chi phí mua bảo hiểm;	...	
- Các khoản khác (nêu chi tiết nếu có giá trị lớn).	...	...
Cộng	...	...

16. Tài sản khác

Cuối năm Đầu năm

a) Ngắn hạn (chi tiết theo từng khoản mục)	...	...
b) Dài hạn (chi tiết theo từng khoản mục)	...	...

Cộng	...	...
-------------	-----	-----

17. Phải trả người bán	Cuối năm	Đầu năm
-------------------------------	----------	---------

a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	...	...
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả;	...	...
- Phải trả cho các đối tượng khác	...	...
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn (chi tiết tương tự ngắn hạn).	...	...

Cộng	...	
-------------	-----	------

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Chi tiết từng đối tượng chiếm 10% trở lên trên tổng số quá hạn;	...	...
- Các đối tượng khác.	...	...

Cộng	...	...
-------------	-----	-----

d) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)

18. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
--	---------	-----------------------------	--------------------------------	----------

a) Phải nộp (chi tiết theo từng loại thuế)	...	...	...	...
--	-----	-----	-----	-----

Cộng	...	...	...	...
-------------	-----	-----	-----	-----

b) Phải thu (chi tiết theo từng loại thuế)

19. Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
-----------------------------	----------	---------

a) Ngắn hạn		
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép;	...	...

- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh;	...	...
- Các khoản trích trước khác;	...	...

b) Dài hạn

- Lãi vay	...	...
- Các khoản khác (chi tiết từng khoản)	...	...

Cộng

...

...

20. Phải trả khác

Cuối năm

Đầu năm

a) Ngắn hạn	...	...
- Tài sản thừa chờ giải quyết;	...	...
- Kinh phí công đoàn;	...	...
- Bảo hiểm xã hội;	...	...
- Bảo hiểm y tế;	...	...
- Bảo hiểm thất nghiệp;	...	...
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	...	...
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả;	...	...
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	...	...

Cộng

...

...

b) Dài hạn (chi tiết từng khoản mục)

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	...	...
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	...	...

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán (chi tiết từng khoản mục, lý do chưa thanh toán nợ quá hạn)	...	...
--	-----	-----

21. Doanh thu chưa thực hiện

Cuối năm

Đầu năm

a) Ngắn hạn	...	...
- Doanh thu nhận trước;	...	...

- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.	...	...
Cộng	...	...
b) Dài hạn (chi tiết từng khoản mục như ngắn hạn)	...	...
c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng (chi tiết từng khoản mục, lý do không có khả năng thực hiện).	...	...
22. Dự phòng phải trả	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	...	...
b) Dài hạn	...	...
Cộng	...	...
23. Quỹ phòng ngừa rủi ro thanh toán chứng khoán phái sinh	Cuối năm	Đầu năm
	...	...
25. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại;	...	...
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ;	...	...
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng;	...	...
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng;	...	...
- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả.	...	...
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	...	...
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả;	...	...

• • • • •

• • • • •

26. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu tình hình biến động vốn chủ sở hữu

[illegible]

ải thích một số trường hợp tăng, giảm ảnh hưởng lớn đến tình hình biến động vốn CSH trong năm

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Cuối năm	Đầu năm
- Vốn góp của các đối tượng khác	...	...
Cộng	...	...

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	...	...
+ Vốn góp đầu năm	...	...
+ Vốn góp tăng trong năm	...	...
+ Vốn góp giảm trong năm	...	...
+ Vốn góp cuối năm	...	...
- Lợi nhuận phân phối	...	...

d) Các quỹ của VSD:

- Quỹ đầu tư phát triển;
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.

đ) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

27. Chênh lệch đánh giá lại tài sản Năm nay Năm trước

Lý do thay đổi giữa số đầu năm và cuối năm (đánh giá lại trong trường hợp nào, tài sản nào được đánh giá lại, theo quyết định nào?...)

28. Nguồn kinh phí Năm nay Năm trước

- Nguồn kinh phí được cấp trong năm
- Chi sự nghiệp (...) (...)
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm

29. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính Cuối năm Đầu năm

a) Tài sản cố định thuê ngoài: Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn

- Từ 1 năm trở xuống;

- Trên 1 năm đến 5 năm;

- Trên 5 năm.

b) Vật tư, chứng chỉ có giá trị nhận giữ hộ: VSD phải thuyết minh chi tiết về số lượng, chủng loại, quy cách, phẩm chất của từng loại tài sản tại thời điểm cuối kỳ.

- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác: VSD phải thuyết minh chi tiết về số lượng, chủng loại, quy cách, phẩm chất tại thời điểm cuối kỳ.

- Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, nhận cầm cố, thế chấp: VSD phải thuyết minh chi tiết về số lượng, chủng loại, quy cách, phẩm chất từng loại hàng hóa;

c) Nợ khó đòi đã xử lý: VSD phải thuyết minh chi tiết giá trị (theo nguyên tệ và VND) các khoản nợ khó đòi đã xử lý trong vòng 10 năm kể từ ngày xử lý theo từng đối tượng, nguyên nhân đã xóa sổ kế toán nợ khó đòi.

d) Công cụ, dụng cụ lâu bền đang sử dụng

đ) Ngoại tệ các loại: VSD phải thuyết minh chi tiết số lượng từng loại ngoại tệ tính theo nguyên tệ. Vàng tiền tệ phải trình bày khối lượng theo đơn vị tính trong nước và quốc tế Ounce, thuyết minh giá trị tính theo USD.

e) Dự toán chi sự nghiệp, dự án

g) Tiền gửi hoạt động nghiệp vụ chứng khoán cơ sở

(1) Tiền gửi thực hiện quyền mua chứng khoán, chào mua chứng khoán

(2) Tiền gửi thanh toán hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu, tín phiếu, thực hiện chứng quyền

(3) Tiền gửi Quỹ hỗ trợ thanh toán

(4) Tiền gửi của thành viên lưu ký thực hiện thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận thành viên

h) Tiền gửi hoạt động nghiệp vụ chứng khoán phái sinh

(1) Tiền gửi Quỹ bù trừ

(2) Tiền gửi ký quỹ của thành viên bù trừ

(3) Tiền gửi từ khoản thu được do bán chứng khoán để xử lý mất khả năng thanh toán

(4) Tiền gửi từ các khoản thu tiền bồi thường của TVBT trả cho các bên liên quan

i) Phải thu hoạt động nghiệp vụ

(1) Phải thu hoạt động nghiệp vụ chứng khoán cơ sở

- Phải thu thiếu hụt Quỹ hỗ trợ thanh toán

- Phải thu khác

(2) Phải thu hoạt động nghiệp vụ chứng khoán phái sinh

- Phải thu thiếu hụt Quỹ bù trừ
- Phải thu khác

k) Phải trả hoạt động nghiệp vụ

(1) Phải trả hoạt động nghiệp vụ chứng khoán cơ sở

- Phải trả tiền thực hiện quyền mua chứng khoán, chào mua chứng khoán
- Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu, tín phiếu, thực hiện chứng quyền
- Phải trả khác

(2) Phải trả hoạt động nghiệp vụ chứng khoán phái sinh

- Nhận ký quỹ bằng tiền của thành viên bù trừ
- Phải trả khác

l) Giá trị Chứng khoán ký quỹ, chứng khoán đóng góp Quỹ bù trừ tại VSD

(1) Giá trị Chứng khoán ký quỹ

(2) Giá trị Chứng khoán đóng góp Quỹ bù trừ

m) Quỹ Hỗ trợ thanh toán

(1) Số đầu kỳ

(2) Số tăng trong kỳ

(3) Số giảm trong kỳ

(4) Số cuối kỳ

n) Quỹ bù trừ

(1) Số đầu kỳ

(2) Số tăng trong kỳ

(3) Số giảm trong kỳ

(4) Số cuối kỳ

p) Hoạt động nghiệp vụ thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của VSD

(1) Thanh toán bù trừ chứng khoán cơ sở

- Định kỳ, thuyết minh tổng giá trị thanh toán lũy kế phát sinh trong kỳ của hoạt động bù trừ thanh toán chứng khoán cơ sở. Kế toán theo dõi các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh liên quan đến nghiệp vụ thanh toán bù trừ chứng khoán cơ sở để phục vụ cho việc thuyết minh báo cáo tài chính.

(2) Thanh toán bù trừ chứng khoán phái sinh

- Định kỳ, thuyết minh tổng giá trị thanh toán lũy kế phát sinh trong kỳ của hoạt động bù trừ thanh toán chứng khoán phái sinh. Kế toán theo dõi các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh

liên quan đến nghiệp thanh toán bù trừ chứng khoán phái sinh để phục vụ cho việc thuyết minh báo cáo tài chính.

o) Các thông tin khác về các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

30. Các thông tin khác do VSD tự thuyết minh, giải trình.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động

Đơn vị tính:

1. Tổng doanh thu hoạt động	Năm nay	Năm trước
-----------------------------	---------	-----------

a) Doanh thu hoạt động nghiệp vụ

- Doanh thu giá dịch vụ lưu ký chứng khoán;	...	...
---	-----	-----

- Doanh thu giá dịch vụ chuyển khoản chứng khoán;	...	...
---	-----	-----

- Doanh thu giá dịch vụ thanh toán gốc, lãi trái phiếu; công trái, tín phiếu	...	...
--	-----	-----

.....

Cộng	...	...
-------------	------------	------------

b) Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết từng đối tượng).	...	...
---	-----	-----

c) Trường hợp ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản là tổng số tiền nhận trước, VSD phải thuyết minh thêm để so sánh sự khác biệt giữa việc ghi nhận doanh thu theo phương pháp phân bổ dần theo thời gian cho thuê; Khả năng suy giảm lợi nhuận và luồng tiền trong tương lai do đã ghi nhận doanh thu đối với toàn bộ số tiền nhận trước.	...	...
---	-----	-----

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
--	---------	-----------

...	...
-----	-----

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
---	---------	-----------

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	...	...
------------------------------	-----	-----

- Lãi bán các khoản đầu tư;	...	...
-----------------------------	-----	-----

- Cổ tức, lợi nhuận được chia;	...	...
--------------------------------	-----	-----

- Lãi chênh lệch tỷ giá;	...	...
--------------------------	-----	-----

- Doanh thu hoạt động tài chính khác.	...	...
---------------------------------------	-----	-----

Cộng	...	...
4. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay;	...	...
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính;	...	...
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;	...	...
- Dự phòng và tổn thất đầu tư;	...	...
- Chi phí tài chính khác;	...	...
- Các khoản ghi giảm chi phí tài chính.	...	...
Cộng	...	...
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí QLDN;	...	...
- Các khoản chi phí QLDN khác.	...	...
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí hoạt động;	...	...
- Các khoản chi phí khác.	...	...
c) Các khoản ghi giảm chi phí hoạt động và chi phí quản lý doanh nghiệp	...	...
6. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	...	...
- Lãi do đánh giá lại tài sản;	...	...
- Tiền phạt thu được;	...	...
- Thuế được giảm;	...	...
- Các khoản khác.	...	...

Cộng	...	...
7. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
- Lỗ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	...	...
- Lỗ do đánh giá lại tài sản;	...	...
- Các khoản bị phạt;	...	...
- Các khoản khác.	...	...

Cộng	...	...
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành;	...	...
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay;	...	...
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	...	...

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế;	...	...
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại;	...	...
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ;	(...)	(...)
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng;	(...)	(...)
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả;	(...)	(...)
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.	...	...

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

Năm nay Năm trước

- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp
hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính;

- Các giao dịch phi tiền tệ khác

2. Các khoản tiền do VSD nắm giữ nhưng không được sử dụng: Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do VSD nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà VSD phải thực hiện.

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:

- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường;
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường;
- Tiền thu từ giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán;
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác.

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường;
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường;
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi;
- Tiền chi trả cho giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán;
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác

VIII. Những thông tin khác

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

.....

2. Những sự kiện phái sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

3. Thông tin về các bên liên quan (ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên).

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả hoạt động theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 “Báo cáo bộ phận”(1):.

5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong Báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

6. Thông tin về hoạt động liên tục:

7. Những thông tin khác

Ghi chú:

- Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày;

- VSD được trình bày thêm các thông tin khác xét thấy cần thiết cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày...tháng...năm...
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên đóng dấu)

Nguồn: Thông tư 89/2019/TT-BTC